

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/HNGĐ – ST
Ngày: 30 – 8 – 2019
V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Minh
2. Ông Phạm Hồng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Long Điền tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 105/2019/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 29/7/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/QĐST – HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị T, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, ấp P, xã PH, huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Trần Quốc B, sinh năm 1985 (vắng mặt)

HKTT: Tổ 2, ấp P, xã PH, huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ: Tổ 3, ấp PT, xã PT, huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của bà Trương Thị Tươi tại Tòa án:

Bà Trương Thị T và ông Trần Quốc B quen nhau được một thời gian thì tổ chức lễ cưới năm 2004. Đến ngày 12/7/2005 ông, bà đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn PH, huyện ĐĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà T cho rằng vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến khoảng năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do kinh tế gia đình sa sút, ông B mắc nợ nhiều người nên đi làm ăn xa, ít khi về nhà nên tình cảm vợ chồng nhạt dần. Khi đi làm về ông B cũng chỉ ở nhà cha mẹ ruột tại tổ 3, ấp PT, xã PT, huyện LĐ. Bà T nhiều lần gặp ông B nói chuyện hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Vợ chồng sống ly

thân từ năm 2013 cho đến nay. Vì vậy, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà T xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Hồng N, sinh ngày 15/7/2004 và cháu Trần Quốc T1, sinh ngày 19/11/2006. Tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu được nuôi cháu N và đồng ý giao cháu T1 cho ông B nuôi dưỡng. Tuy nhiên, từ khi ly thân đến nay bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu, cháu T1 có nguyện vọng muốn sống với mẹ. Vì vậy, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện Long Điền đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông Trần Quốc B để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông B vẫn cố tình vắng mặt, không tới Tòa án làm việc. Theo xác nhận của Công an xã PT, huyện LĐ thì ông Trần Quốc B hiện đang cư trú tại tổ 3, ấp PT, xã PT, huyện LĐ. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa tại Ủy ban nhân dân xã PT và tại nhà ông Trần Quốc B tại tổ 3, ấp PT, xã PT, huyện LĐ nhưng ông B cũng không đến Tòa án làm việc nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn với bị đơn; Yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thời gian giải quyết vụ án tuân theo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông B đã triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T được ly hôn với ông B; Về con chung: giao cháu N và cháu T1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bà T tự nguyện không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Quốc B hiện cư trú tại xã PT, huyện LĐ. Bà Trương Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Trần Quốc B là tranh chấp về hôn

nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình về việc giải quyết vụ án; Bị đơn ông Trần Quốc B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Qua thời gian quen biết và tìm hiểu nhau, đồng thời được sự đồng ý của hai bên gia đình, bà Trương Thị T và ông Trần Quốc B tự nguyện tiến tới hôn nhân, vợ chồng có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn PH, huyện ĐĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo giấy chứng nhận kết hôn số 136 quyền số 01 ngày 13/3/2005. Thời gian đầu vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc nhưng sau này phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 đến nay, nguyên nhân chính do kinh tế gia đình sa sút, ông B đi làm ăn xa nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Ông B về chung sống với cha mẹ ruột tại tổ 3, ấp PT, xã PT, huyện LD. Hai bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông B nhưng ông B không đến Tòa án làm việc, không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T, ông B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T được ly hôn với ông B.

[3] *Về con chung*: Bà T xác nhận bà và ông B có 02 con chung là cháu Trần Hồng N, sinh ngày 15/7/2004 và cháu Trần Quốc T1, sinh ngày 19/11/2006. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu. Theo nguyện vọng của cháu N, cháu T1 và để đảm bảo cho sự phát triển về thể chất, tinh thần tốt nhất cho các cháu. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu Trần Hồng N, sinh ngày 15/7/2004 và cháu Trần Quốc T1, sinh ngày 19/11/2006 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà T tự nguyện không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Bà T phải nộp án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T về việc “tranh chấp ly hôn” với ông Trần Quốc B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị T được ly hôn với ông Trần Quốc B.

2. Về con chung: Bà Trương Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Hồng N, sinh ngày 15/7/2004 và cháu Trần Quốc T1, sinh ngày 19/11/2006 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Công nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Quốc B được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà Trương Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Trương Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trương Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007753 ngày 27/02/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Như vậy, bà Trương Thị T đã nộp xong án phí.

Trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án (Riêng đối với những người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc được tổng đạt hợp lệ) để yêu cầu Tòa án tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền;
- Các đương sự;
- UBND TT ĐĐ, huyện ĐĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Nhung